TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2024/DSST
Ngày 31/01/2024
V/v *Tranh chấp*
Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn THnh

2. Ông Nguyễn Văn Trò

- ***Thư ký phiên toà***: Bà H Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1984 *(có mặt)*

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979 *(có mặt)*

Đều trú tại: Khu H, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Đặng Văn X, sinh năm 1984; vắng mặt. Trú tại: Khu H, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Người được anh X ủy quyền là chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1984 (là vợ của anh X); Trú tại: Khu H, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thu H trình bày: Chị có mối quan hệ là gia đình với vợ chồng anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979 và chị Đặng Thị H, sinh năm 1986; đều trú tại khu H, xã H, huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 21/12/2022, vợ chồng chị có cho anh B vay số tiền 349.500.000đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Anh B là người trực tiếp viết giấy nhận vay tiền, khi vay hai bên thoả thuận về lãi suất là 1,5%/năm và anh B hẹn đến ngày 21/6/2023 sẽ trả tiền cho vợ chồng chị. Đến ngày 21/6/2023 anh B đã trả

cho chị được 4.000.000đồng, số tiền nợ gốc còn lại 345.500.000đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ sau ngày 21/6/2023, chị đòi tiền anh B nhiều lần nhưng anh B không trả; Nay chị yêu cầu anh B phải trả số tiền gốc trên, không yêu cầu trả lãi của số tiền gốc cũng như không yêu cầu anh B phải chịu tiền lãi suất chậm trả từ khi xét xử đến khi thi Hnh án xong.

Tại biên bản tự khai ngày 26/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh và vợ anh là chị Đặng Thị H có mối quan hệ gia đình với chị Nguyễn Thu H và anh Đặng Văn X.

Ngày 21/12/2022, anh có vay số tiền của vợ chồng chị H và anh Đặng Văn X (là chồng chị H) số tiền là 349.500.000đ (Ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn vay đến ngày 21/06/2023. Lãi suất vay là 1,5%/năm, mục đích vay có việc gia đình nhưng thực tế chỉ có một mình anh sử dụng số tiền trên, vợ anh không biết việc anh vay tiền. Anh một mình viết giấy vay tiền và ký tên. Tính đến ngày 21/6/2023 anh đã trả được số tiền nợ gốc là 4.000.000đồng, còn nợ số tiền gốc 345.500.000đồng và tiền lãi.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền nợ gốc là 345.500.000đồng, không yêu cầu anh phải trả tiền lãi cũng như không yêu cầu anh phải chịu tiền lãi suất chậm trả từ khi xét xử đến khi thi Hnh án xong, quan điểm của anh như sau:

Do anh một mình viết giấy vay tiền và ký tên không liên quan gì đến vợ anh (chị Đặng Thị Hoàn) nên anh xin tự mình có trả nợ số tiền nợ gốc là 345.500.000đồng, không phải trả tiền lãi. Anh xin trả số tiền gốc trên theo từng tháng mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi trả tiền gốc xong. Anh cũng nhất trí với yêu cầu của chị H về việc anh không phải trả tiền lãi suất chậm trả từ khi xét xử đến khi thi Hnh án xong

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2023, anh Đặng Văn X (là chồng chị H) và người được anh X ủy quyền tham gia tố tụng chị Nguyễn Thu H có quan điểm trình bày: Nhất trí với lời trình bày của chị H, anh X không bổ sung gì thêm. Nay anh yêu cầu anh B phải trả số tiền gốc trên, không yêu cầu trả lãi của số tiền gốc cũng như không yêu cầu anh B phải chịu tiền lãi suất chậm trả từ khi xét xử đến khi thi Hnh án xong.

* Tại phiên toà Kiểm sát viên có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 33, khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thu H. Buộc anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thu H và anh Đặng Văn X số tiền nợ gốc là 345.500.000đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên anh B phải chịu 17.275.000đồng (Mười bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thu H và bị đơn anh Nguyễn Văn B là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu H, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H đề nghị anh Nguyễn Văn B phải trả số tiền nợ gốc 345.500.000đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), thấy rằng:

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị H, anh X và anh B đều thừa nhận việc anh B vay tiền của chị H anh X là có thật, việc vay nợ chỉ có anh B viết giấy nhận tiền, tự mình cầm tiền. Anh B cũng trình bày anh vay sử dụng cho mục đích cá nhân vợ anh B không biết nên chỉ anh B có trách nhiệm trả nợ cho chị H anh X nên chị H khởi kiện yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh B có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Về số tiền nợ gốc: Mặc dù theo giấy vay tiền ngày 21 tháng 12 năm 2022 số tiền ghi là 349.500.000đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), tuy nhiên đến ngày 21/6/2023 anh B đã trả được số tiền 4.000.000đ, còn nợ 345.500.000đồng tiền gốc. Do vậy chị H, anh X yêu cầu anh B phải trả số tiền 345.500.000đồng là có căn cứ.

Anh B đưa ra lý do chưa trả tiền gốc cho chị H anh X là do anh hiện tại có khó khăn về kinh tế không có đủ tiền để trả cho chị H anh X làm một lần như yêu cầu của chị H anh X mà anh B đề nghị được trả dần theo từng tháng, mỗi tháng là 5.000.000đồng cho đến khi trả xong số tiền gốc. Việc anh B đưa ra phương thức trả nợ như trên không được chị H anh X đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền lãi: Trong giấy vay tiền thể hiện có thỏa thuận về lãi suất tuy nhiên chị H và anh X không yêu cầu anh B phải trả tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra chị H anh X cũng không yêu cầu anh Bảy phải trả bất cứ khoản tiền lãi nào khác (không yêu cầu lãi quá hạn và lãi chậm trả thi Hnh án). Xét thấy đây là sự tự nguyện này của chị H anh X, có lợi cho anh B, anh B cũng nhất trí, phù hợp với quy định nên cần được chấp nhận.

[3]. *Về án phí:*

Do yêu cầu của chị Nguyễn Thu H được chấp nhận, nên anh Nguyễn Văn B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật Thi Hnh án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H đối với anh Nguyễn Văn B.

Buộc anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thu H và anh Đặng Văn X số tiền nợ gốc là 345.500.000đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

2. *Về án phí:* Buộc anh Nguyễn Văn B phải nộp 17.275.000đồng (Mười bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.737.500đồng (Tám triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004702 ngày 12/10/2023, tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H, anh B và anh X được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Việt Dũng